

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /7/2026 của UBND xã Ninh Giang)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026			ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026			SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026 (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	269,049,000,000	96,950,000,000	163,649,000,000	86,851,057,086	9,090,590,000	77,760,467,086	32.28	9.38	47.52
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục - đào tạo	113,894,646,000	19,285,646,000	94,609,000,000	48,848,707,437	5,213,578,000	43,635,129,437	42.89	27.03	46.12
2	Chi khoa học - công nghệ	500,000,000		500,000,000	1,800,000		1,800,000			
3	Chi y tế	4,442,578,000		4,442,578,000	2,319,304,686		2,319,304,686	52.21		52.21
4	Chi văn hóa, thông tin	353,149,000	59,149,000	294,000,000	150,342,304		150,342,304	42.57		51.14
5	Chi phát thanh, truyền thanh	271,806,000	126,990,000	144,816,000	21,005,600		21,005,600	7.73		14.51
6	Chi thể dục thể thao	50,000,000		50,000,000	11,700,000		11,700,000	23.40		23.40
7	Chi bảo vệ môi trường	2,450,000,000		2,450,000,000	1,216,214,307		1,216,214,307	49.64		49.64
8	Chi các hoạt động kinh tế	72,742,478,000	71,288,238,000	1,454,240,000	2,155,064,201	1,050,352,000	1,104,712,201	2.96	1.47	75.96
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	23,632,621,000	790,914,000	22,841,707,000	19,353,098,976	2,826,660,000	16,526,438,976	81.89	357.39	72.35
10	Chi cho công tác xã hội	22,838,563,000	551,563,000	22,287,000,000	11,056,652,425		11,056,652,425	48.41	-	49.61
11	Chi khác	11,799,165,000		11,799,165,000	-			-		-
12	Dự phòng ngân sách	5,450,000,000			-			-		